

Số /NQ-ĐHĐCĐ-HABECO

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

## NGHỊ QUYẾT

### **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI (Dự thảo)**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội sửa đổi lần thứ năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28 tháng 4 năm 2021;*

*Căn cứ Biên bản họp ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Báo cáo của Ban điều hành đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh (“SXKD”) năm 2025 và kế hoạch năm 2026 (Bản đính kèm).

**Điều 2.** Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động năm 2025, định hướng năm 2026 (Bản đính kèm).

**Điều 3.** Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (Bản đính kèm).

**Điều 4.** Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
I	Lợi nhuận sau thuế năm 2024	368.800.516.618

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
II	Lợi chưa phân phối năm trước chuyển sang	10.769.050.005
III	Tổng lợi nhuận phân phối sau thuế năm 2024 = (I) + (II)	379.569.566.623
IV	Trích lập các quỹ và chi trả cổ tức	373.512.863.896
1	Trích lập các quỹ Công ty mẹ	67.536.863.896
1.1	<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty mẹ</i>	66.240.863.896
1.2	<i>Quỹ khen thưởng Ban điều hành</i>	1.296.000.000
2	Trả cổ tức năm 2024	305.976.000.000
-	<i>Tỷ lệ chi trả (%)</i>	13,2
V	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối = (III) – (IV)	6.056.702.727

**Điều 5.** Thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán.

**Điều 6.** Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
I	Lợi nhuận sau thuế năm 2025	400.256.911.984
II	Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	6.056.702.727
III	Tổng lợi nhuận phân phối sau thuế năm 2025 = (I) + (II)	406.313.614.711
IV	Trích lập & chi trả cổ tức = (1) + (2)	398.958.679.037
1	Trích lập các quỹ Công ty mẹ	46.622.679.037
1.1	<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty mẹ</i>	45.157.599.842



STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1.2	Quỹ khen thưởng HĐQT và BKS	1.465.079.195
2	Trả cổ tức năm 2025	352.336.000.000
-	Tỷ lệ chi trả (%)	15,2
V	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối (V) = (III) – (IV)	7.354.935.674

**Điều 7.** Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2026
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	Tỷ đồng	7.799,6
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	234,4
3	Mức chia cổ tức	%/năm	8,5

**Điều 8.** Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
I	Kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2026	234.400.175.721
II	Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	7.354.935.674
III	Tổng lợi nhuận phân phối sau thuế Kế hoạch năm 2026 = (I) + (II)	241.755.111.395
IV	Trích lập và chi trả cổ tức = (1) + (2)	240.618.066.875
1	Trích lập các quỹ Công ty mẹ	43.588.066.875
1.1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty mẹ	42.593.266.875
1.2	Quỹ khen thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	994.800.000



TT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
2	Trả cổ tức năm 2026	197.030.000.000
-	Tỷ lệ chi trả (%)	8,5
V	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối (V) = (III) – (IV)	1.137.044.520

**Điều 9.** Thông qua quyết toán tiền lương, thù lao năm 2025; mức tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026 của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

1. Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2025 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

STT	Diễn giải	Số tiền (đồng)
1	Kế hoạch tiền lương và thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025	4.883.597.316
2	Thực hiện	5.860.316.779
-	Tiền lương của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát chuyên trách	3.556.316.779
-	Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát kiêm nhiệm	2.304.600.000
3	Kết luận: chênh lệch thực hiện so với kế hoạch thông qua ĐHĐCĐ	976.719.463

a) Kế hoạch tiền lương, thù lao

- Tiền lương của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát chuyên trách: 2.328.000.000 đồng.

- Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát kiêm nhiệm: 1.651.200.000 đồng.

Tổng cộng: 3.979.200.000 đồng

b) Tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện: Sẽ được quyết toán theo nguyên tắc quy định tại Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính Phủ quy định về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực

tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước, có xem xét loại trừ yếu tố khách quan ảnh hưởng đến năng suất và lợi nhuận thực hiện năm 2026.

**Điều 10.** Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán có uy tín trong danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.

**Điều 11.** Thông qua kết quả miễn nhiệm và bầu thay thế Kiểm soát viên của Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội nhiệm kỳ 2025 - 2030:

- Miễn nhiệm Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2025 - 2030 đối với Bà Thiều Hồng Nhung.

- Ông/Bà .....trúng cử là Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2025 - 2030 của Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội.

**Điều 12.** Điều khoản thi hành

Toàn văn Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Ông/Bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và toàn thể Cổ đông HABECO chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 12;
- UBCKNN;
- HOSE;
- Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, Thư ký HABECO.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**



**Trần Đình Thanh**

